TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 28/HNGĐ-PT
Ngày 27/5/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂNTỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Trương Quốc Văn

Bà Hoàng Lan Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cao Thị Thu Trang - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa;

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dântỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số24/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn ThịP, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa;

2. Bị đơn: Anh Hà Quang B, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn G, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người kháng cáo: anh Hà Quang B.

Tại phiên tòa có mặt 2 bên đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P:

- Về hôn nhân: chị P và anh B kết hôn năm 2017 có đăng ký kết hôn và được UBND xã L, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/3/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không hợp nhau. Nguyên nhân do

anh B không quan tâm đến vợ con dẫn đến việc vợ chồng luôn bất đồng quan điểm; chị P đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 03/5/2018, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị P xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

-Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Hà Thị Thanh T, sinh ngày 07/12/2017. Hiện nay cháu T đang ở với chị P. Ly hôn, chị P yêu cầu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu T, yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về tài sản và công nợ: anh chị không có tài sản chung và cũng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Theo lời trình bày của bị đơn anh Hà Quang B:

- Về hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị P tự nguyện tìm hiểu, được UBND xã L cấp giấy Đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 15 tháng. Cho đến ngày 28/4/2018 cô P tuyên bố trước gia đình anh là: "không lấy anh nữa, với lý do anh đi làm không có tiền, không có tương lai và chủ động nhận nuôi cháu T".

Trong thời gian vợ chồng ly thân anh có đến thăm cháu T 02 lần nhưng cả 02 lần ông bà K,M (bố mẹ của chị P) không cho anh tiếp xúc cháu T và tuyên bố: anh không phải là bố đẻ của cháu Hà Thị Thanh T. Sự việc xảy ra nhiều lần nên anh yêu cầu xét nghiệm AND giữa anh và cháu Hà Thị Thanh T. Quan điểm của anh là đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P về việc ly hôn.

-Về con chung: yêu cầu gia đình cô P và cô P xét nghiệm AND của cháu Hà Thị Thanh T, mọi chi phí xét nghiệm gia đình cô P phải tự bỏ, nếu đúng là con anh thì anh sẽ có trách nhiệm với cháu T.

- Về tải sản và công nợ: Vợ chồng không có gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định: áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điển a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 55, Điều 58, Điều 81; 82; 83; Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị P về việc ly hôn anh Hà Quang B.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Hà Quang B.

2. Về con chung: giao cháu Hà Thị Thanh T, sinh ngày 07/12/2017 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được ngăn cấm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Hà Quang B kháng cáo với nội dung: Anh không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm tuyên mỗi tháng anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị P là 1.500.000 đồng; yêu cầu chị P phải có trách nhiệm chứng minh cháu Hà Thị Thanh T là con chung của hai người thì anh mới chấp nhận đóng góp nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh B, đề nghị Tòa án căn cứ Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, sau khi các đương sự tranh luận và Đại diện Viện kiểm sát phat biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh B và chị P kết hôn ngày 08/3/2017, đến ngày 07/12/2017 thì sinh cháu T. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm chị P đều khẳng định cháu T là con chung của chị và anh B. Anh B cho rằng anh cũng có niềm tin cháu T là con anh nhưng vì trong thời gian vợ chồng ly thân chị P và bố mẹ chị P không cho anh gặp cháu T và đã nói cháu không phải con anh, nên khi Tòa án giải quyết vụ án anh yêu cầu chị P phải giám định ADN để xác định cháu có đúng là con anh không, nếu đúng con anh thì anh mới chấp nhận cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên, tại 2 cấp xét xử Tòa án đã giải thích cho anh B việc anh nghi ngờ cháu T không phải con anh thì anh phải là người cung cấp chứng cứ hợp pháp, đó là kết quả giám định ADN thì Tòa án mới cơ cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh, nhưng anh B không thực hiện. Việc anh B yêu cầu chị P phải xuất trình chứng cứ xác định quan hệ huyết thống giữa anh và cháu T là không phù hợp, vì chị P không phải là người yêu cầu, theo quy định của pháp luật thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự khi có yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh B xuất trình chứng cứ chị nhắn tin chửi bới anh trên facebook, nhưng đây không phải là nguồn chứng cứ hợp pháp nên Tòa án

không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh B. Án sơ thẩm xác định cháu Hà Thị Thanh T là con chung của anh B và chị P; buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp pháp luật.

[2] Về mức cấp dưỡng: tại phiên tòa phúc thẩm, anh B cung cấp bảng lương của anh ở công ty Viettel, theo biểu đồ lương của anh B tháng cao nhất là 10.400.000đ, tháng thấp nhất là 1.900.000đ, như vậy, án sơ thẩm buộc anh cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng là phù hợp với mức thu nhập của anh B. Kháng cáo của anh B không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên án sơ thẩm về phần con chung là phù hợp pháp luật.

[3] Án phí phúc thẩm anh B phải nộp, vì án không được cải sửa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nghị Quyết 326/UBTVQH ngày 31/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Quang B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 27/3/2019 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa về phần con chung.

2/ Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/ Án phí dân sự phúc thẩm; Anh B phải nộp 300.000đ, đã nộp đủ tại Biên lai thu số 5460 ngày 01/4/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã L, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga